



**SAIGONBANK BERJAYA**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----o0o-----**

**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
S ..... :/H ốSBBS**

- Căn cứ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Chứng khoán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày í í tháng í í năm 200í í tr s Công ty C ph n Ch ng khoán SaigonBank Berjaya

**Chúng tôi gồm có:**

**Khách hàng (BÊN A):**

Tên cá nhân / Tổ chức : .....

Số CMND / Hộ chiếu : ..... c p ngày: í / í / í . t i: .....

Quyết định thành lập : ..... c p ngày: í / í / í . t i: .....

Ghi ý chấp nhận KKD số : ..... c p ngày: í / í / í . t i: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Tr s chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Số tài khoản: .....M t i Ngân hàng: .....

Ng i i đi n (n u khách hàng là t ch c): ..... Ch c v : .....

Số CMND/H chiếu: ..... Ngày c p: ..... N i c p: .....

Theo ghi y u quy n s (n u có): ..... ngày: í / í / í c a Ông (Bà): ..... Ch c v : .....

**Và một bên là:**

**Công ty cổ phần chứng khoán SaigonBank Berjaya (BÊN B)**

Tr s : L u 5-6, s 2C Phó c Chính, Qu n 1, TP HCM, Vi t Nam.

Điện thoại: 9143399 Fax: 9143388

Ghi ý phép thành lập và hoạt động số 94/UBCK-GP ngày 18/07/2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Ghi ý chấp nhận Thành viên lưu ký số 96/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 07/08/2008.

Số tài khoản: í í .t i Ngân Hàng Sài Gòn Công Th ng.

Ng i i đi n: .....Ch c v : .....

Tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya mở cho ng i u t s : í í .t i Ngân Hàng Sài Gòn Công Th ng, địa chỉ : 2C Phó c Chính, Q.1, TpHCM.

**Hai bên cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với nội dung như sau:**

## **Điều 1: Luật điều chỉnh**

Hợp đồng này thực hiện vì lợi ích của Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hai bên cam kết tuân thủ các văn bản pháp luật sau:

- Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Luật Chứng khoán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam do Quốc hội ban hành ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **Điều 2: Mục đích hợp đồng**

2.1. Bên hợp đồng này Bên A yêu cầu Bên B mở tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản lưu ký chứng khoán. Quản lý chứng khoán và thực hiện giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Bên A.

2.2. Bên A ủy quyền cho Bên B quản lý và thực hiện các giao dịch, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và ký các quy định cho Bên A. Thời hạn ủy quyền là thời hạn của hợp đồng này. Phạm vi công việc ủy quyền xác định theo nội dung của Hợp đồng này và các thỏa thuận bổ sung.

## **Điều 3: Quyền của Bên A**

3.1. Tất cả giao dịch chứng khoán thông qua Bên B.

3.2. Thực hiện quy định của chủ sở hữu về việc chứng khoán ghi tại Công ty bảo gom:

- Hướng các khoản lợi nhuận hợp pháp gần gũi với thị trường và chứng khoán thực quy định của Bên A, nhà cổ đông, lãi suất trái phiếu, chi phí thuế theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quy định pháp luật của ngành chứng khoán như: quy định tham gia thị trường, quy định bù quy định thị trường, quy định của chủ sở hữu về việc trái phiếu với cách là chính thức theo quy định của pháp luật.

3.3. Nhận các thông báo thông tin về giao dịch của Bên A về thực hiện.

3.4. Yêu cầu rút mặt tiền hoặc toàn bộ chứng khoán khi tài khoản không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật này.

3.5. Chịu các dịch vụ tài chính do Bên B thực hiện theo phí và chi phí bên thứ ba thực hiện.

## **Điều 4: Nghĩa vụ của Bên A**

4.1. Thực hiện giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

4.2. Bên A cam kết không thông tin mà mình cung cấp trong bản hợp đồng này và trong Phiếu yêu cầu mở tài khoản là đúng sự thật và phi thông báo cho Bên B biết khi có những thay đổi có liên quan. Trường hợp thông tin sai sự thật, xử lý theo điều 11 của pháp luật này.

4.3. Thực hiện ký quỹ, thanh toán tiền và chứng khoán đầy đủ, đúng hạn theo các quy định của pháp luật.

4.4. Thanh toán cho Bên B phí môi giới, phí lưu ký, phí ký chứng khoán, phí chuyển và các khoản phí khác theo quy định.

4.5. Chịu trách nhiệm về các cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền của Bên A.

## **Điều 5: Quyền của Bên B**

5.1. Ủy quyền trích tiền và chứng khoán trên tài khoản của Bên A thực hiện thanh toán các lệnh giao dịch của Bên A về thực hiện.

5.2. Yêu cầu Bên A thanh toán các khoản phí môi giới, lưu ký, ký chứng khoán, thanh toán bù trừ, chuyển nhượng và các khoản phí khác theo quy định.

5.3. Trong trường hợp Bên A vì lý do nào đó mà không thực hiện thanh toán các nghĩa vụ và các khoản phí nêu trên thì Bên B có quyền sử dụng tiền trong tài khoản tín dụng của người rút về giao dịch chứng khoán và bán chứng khoán trong tài khoản chứng khoán giao dịch của người rút về thanh toán các khoản phí và nghĩa vụ phát sinh nợ. Trong trường hợp sử dụng trên tài khoản giao dịch của Bên A không thanh toán các nghĩa vụ phát sinh nêu trên, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghĩa vụ và bị thực hiện các thủ tục phát sinh (nếu có).

5.4. Chịu sử dụng tài khoản của Bên A để giao dịch.

## **Điều 6: Nghĩa vụ của Bên B**

6.1. Tất cả các giao dịch theo yêu cầu của Bên A (những yêu cầu này phải tuân thủ các quy định của pháp luật và trong phạm vi theo Giấy phép hoạt động của Bên B).

6.2. Lưu giữ chi nhánh mà Bên A ủy thác tài khoản chi nhánh giao dịch của ngân hàng tên thành viên lưu ký là Công ty chi nhánh của Trung tâm lưu ký chi nhánh.

6.3. Tất cả những lưu ký, thanh toán bù trừ và lưu ký chi nhánh cho Bên A tại Trung tâm lưu ký chi nhánh.

6.4. Giữ bí mật toàn bộ các thông tin về tài khoản và giao dịch của Bên A, trừ những hợp pháp cung cấp theo quy định của Pháp luật và theo thỏa thuận với Bên A.

6.5. Gửi các thông báo về giao dịch của Bên A trong thời gian 01 ngày kể từ khi giao dịch thực hiện, gửi báo cáo hàng tháng về số dư và diễn biến trên tài khoản của giao dịch thực hiện trong tháng, gửi báo cáo về số dư và diễn biến trên tài khoản 03 tháng một lần nếu không có giao dịch thực hiện.

6.6. Không có số dư chi nhánh của Bên A nếu không có lệnh của Bên A, trừ những hợp pháp quy định tại khoản 5.3 và 5.4 của Điều 5 Hợp đồng này.

6.7. Tất cả những yêu cầu của Bên A về gửi, rút và chuyển khoản chi nhánh trong lưu kỳ chi nhánh chi nhánh này không bằng bù trừ tất cả những các nghĩa vụ thanh toán, có thể đã phát sinh (nếu có).

## **Điều 7: Giao dịch chứng khoán**

7.1. Vì tất cả những tài sản giao dịch chứng khoán của Bên A phải tuân thủ đúng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán và của Bên B.

7.2. *Cách thức nhận lệnh:* Bên B nhận lệnh của khách hàng từ văn phòng công ty Bên B, lệnh của khách hàng có giá trị trong ngày giao dịch. Các trường hợp như lệnh khác của Bên B quy định theo thời gian thực.

7.3. Trường hợp lệnh mua chứng khoán của Bên A thực hiện, số tiền thanh toán giá chứng khoán mua của số chuyển ngay vào ký quỹ để mua chứng khoán mà Bên A không có số dư. Số chứng khoán mua của số có trên tài khoản lưu ký chứng khoán của Bên A vào cuối ngày thanh toán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán. Lưu ý chứng khoán mua của thì miễn phí lưu ký tại Bên B và Bên A phải thanh toán phí lưu ký. Trường hợp Bên A mua rút chứng khoán thì phí gửi yêu cầu rút chứng khoán (theo mục của Bên B).

7.4. Trường hợp lệnh bán chứng khoán của Bên A thực hiện, số chứng khoán bán của số ngay lập tức của vào ký quỹ để mua chuyển giao, số tiền bán chứng khoán số có trên tài khoản giao dịch của Bên A vào cuối ngày thanh toán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán.

## **Điều 8: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng**

8.1. Bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên bị thiệt hại.

8.2. Mức bồi thường thiệt hại do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9: Thông báo**

9.1. Mọi thông báo và tất cả giao dịch phải gửi theo địa chỉ đã nêu trong hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bên trong văn bản).

9.2. Trường hợp thông báo mặc định quy định tại Điều 10 Hợp đồng này, thì mọi thông báo và tất cả giao dịch giữa hai bên sẽ xem là hợp lệ khi lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền.

9.3. Thông báo, tất cả giao dịch chuyển nhượng bù trừ thì ngày gửi đi xác nhận theo đúng xác nhận của bù trừ chuyển nhượng. Bên nhận coi nhận nhận nhận chuyển nhượng địa chỉ nhận nhận trong thời gian từ 7h30 đến 16h30 trong những ngày làm việc (nếu khách hàng là tổ chức) hoặc từ 6h30 đến 18h hàng ngày (nếu khách hàng là cá nhân).

9.4. Thông báo bằng tất cả chuyển theo cách chuyển trực tiếp thì việc giao nhận coi nhận thực hiện khi ký nhận văn bản phản ứng trực tiếp nhận văn bản của bên nhận (nếu khách hàng là tổ chức) hoặc ký nhận văn bản tại nơi nào trong cùng hệ thống khách hàng (nếu khách hàng là cá nhân).

9.5. Thông báo chuyển nhượng Fax, SMS, Email sẽ coi là thông báo trực tiếp, sau đó phải gửi văn bản chính thức theo Khoản 9.3 hoặc Khoản 9.4 của Điều này (trừ trường hợp công bố thông tin bằng Fax, SMS hoặc Email theo thỏa thuận giữa hai bên).

## **Điều 10: Thông báo mặc định**

10.1. Khi ký kết hợp đồng này, Bên A mặc nhiên thanh toán các khoản nợ của khách hàng mang tính khách quan và miễn trừ khoản bất kỳ nào có thể lên giá hoặc xu hướng giá. Bên A công nhận rằng luôn có mặt trong thị trường và miễn trừ khoản bất kỳ nào có thể xu hướng.

10.2. Khi ký tên vào hợp đồng này Bên A thanh toán Bên B đã thông báo về Bên A các thông tin về chi nhánh, Giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, văn phòng, địa chỉ liên hệ ký hợp đồng của Bên B.

10.3. Khi ký tên vào phiếu ký, phiếu lĩnh Bên A mặc nhiên thanh toán đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi lĩnh Bên B thanh toán để dành cho mình và ý kiến của nhân viên công ty chi nhánh (Bên B) chỉ có ý nghĩa tham khảo.

## **Điều 11: Giải quyết tranh chấp**

11.1. Hợp đồng này được thực hiện tại Luật pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

11.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hòa giải. Trường hợp thương lượng và hòa giải không thành, các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi ký kết hợp đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12: Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

Hợp đồng này có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Theo yêu cầu của Bên A sau khi đã thanh toán đầy đủ các khoản phí và nghĩa vụ phát sinh cho Bên B.
- Bên A (là cá nhân) và/hoặc Bên B bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất.
- Khi Bên A (là cá nhân) qua đời hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
- Một trong các bên vi phạm nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này và có các hành vi bất hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Chứng khoán ban hành ngày 29/06/2006.
- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.
- Bên B có quy định pháp luật cho phép ngừng hoạt động Bên A không có số dư trong tài khoản và không có giao dịch trong 12 tháng liên tiếp.

## **Điều 13: Hiệu lực hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt hợp đồng. Vì vậy, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải có sự đồng ý của hai bên thỏa thuận bằng văn bản dưới đây để có thẩm quyền của hai bên ký, các văn bản này được coi là phần không tách rời của Hợp đồng này.

## **Điều 14: Các thỏa thuận khác**

14.1. Về cơ bản Hợp đồng khi một trong các bên bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất hoặc khách hàng là cá nhân qua đời, mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

14.2. Trường hợp do có sự thay đổi về Pháp luật làm cho một hoặc một số điều khoản của hợp đồng này trở thành vô hiệu, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, hai bên cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản.

14.3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, gồm có 02 bản tiếng Anh và 02 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt được xem là bản chính thức.

**Bên A**

**Khách hàng**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)*

**Bên B**

**Cty chứng khoán SaigonBank Berjaya**

*(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*